ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHÚ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÁN BỘ NHẬN TIỀN THÁNG 04/2019

Số TT	Họ và tên	Chức vụ	Mã số thuế cá nhân	Số Tài khoản	Lương, PC, PC đặc thù QS, truy lĩnh PC đặc thù QS; PC trách nhiệm, truy lĩnh lương, PC thủ quỹ T04/2019	PC nhận và trả kết quả, phụ cấp TBXH , truy lĩnh PC lương, PC thâm niên T04/2019	PC ngoài lương T04/2019, truy lĩnh PC ngoài lương, PC trưởng - phó các ban HĐND	Văn phòng phẩm khoán T04/2019	Công tác phí khoán T04/2019	Tăng thu nhập quý I/2019	Tổng tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	**CB CHUYÊN TRÁCH**				**84.154.907**	**400.000**	**8.818.000**	**600.000**	**4.800.000**	**14.400.000**	**113.172.907**	
1	Nguyễn Ngọc Phương Liên	Bí thư Đảng Ủy-Trưởng Ban tổ chức Đảng		5503215014149	15.781.435		1.112.000		400.000	1.200.000	18.493.435	
2	Nguyễn Thị Hà	Phó Bí thư TT-CN UBKT	8037267276	5503215010597	5.702.614		834.000		400.000	1.200.000	8.136.614	
3	Lê Văn My	Chủ tịch MTTQ	8037267163	5503215010710	9.228.975		756.000	100.000	400.000	1.200.000	11.684.975	
4	Võ Thị Kim Phụng	Chủ tịch hội PN	8037267050	5503215010500	4.723.359		834.000		400.000	1.200.000	7.157.359	
5	Nguyễn Kim Chi	Chủ tịch hội ND	8037267237	5503215010551	4.723.359		556.000		400.000	1.200.000	6.879.359	
6	Nguyễn Văn Trãi	Chủ tịch hội CCB-BTchi bộ Phú Thuận	8037267036	5503215010726	5.878.379		0		400.000	1.200.000	7.478.379	
7	Lê Duy Phúc	Bí thư ĐTN	8037267364	5503215032764	4.476.425		834.000		400.000	1.200.000	6.910.425	
8	Nguyễn Văn Tuấn	Phó Bí thư-Chủ tịch HĐND	8037267029	5503215010580	8.924.981		834.000	100.000	400.000	1.200.000	11.458.981	
9	Trần Văn Hoàng	Phó CT HĐND	8037267332	5503215010437	5.359.840		556.000	100.000	400.000	1.200.000	7.615.840	
10	Lê Nguyễn Thanh Bình	Chủ tịch UBND		5503215028150	6.549.054	400.000	834.000	100.000	400.000	1.200.000	9.483.054	
11	Huỳnh T Xuân Nương	Phó CT UBND	8037267371	5503215010574	5.912.573		556.000	100.000	400.000	1.200.000	8.168.573	
12	Võ Thị Cẩm Liên	Phó CT UBND		5503215016961	6.893.913		1.112.000	100.000	400.000	1.200.000	9.705.913	
	CÔNG CHỨC XÃ				**62.491.131**	**3.809.125**	**11.470.000**	**200.000**	**4.300.000**	**14.700.000**	**96.970.256**	
13	Hướng Công Nhựt	Trưởng Công an		5503215059833	0	0	834.000	100.000	400.000	1.200.000	2.534.000	
14	Đặng Trung Kiệt	Chỉ huy trưởng QS		5503215010732	5.997.850	469.125	0	100.000	300.000	1.200.000	8.066.975	
15	Trần Thanh Danh	Tư pháp-hộ tịch	8037267075	5503215010516	4.816.350	400.000	556.000		300.000	900.000	6.972.350	
16	Trần Ngọc Tài	Tư pháp-hộ tịch	8037267068	5503215010653	6.271.888		1.034.000		300.000	1.200.000	8.805.888	
17	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Tài chính - Kế toán kiêm CN TTCN - KHCN		5503215010624	5.650.350		834.000		300.000	1.200.000	7.984.350	

Số TT	Họ và tên	Chức vụ	Mã số thuế cá nhân	Số Tài khoản	Lương, PC, PC đặc thù QS, truy lĩnh PC đặc thù QS; PC trách nhiệm, truy lĩnh lương, PC thủ quỹ T04/2019	PC nhận và trả kết quả, phụ cấp TBXH , truy lĩnh PC lương, PC thâm niên T04/2019	PC ngoài lương T04/2019, truy lĩnh PC ngoài lương, PC trưởng - phó các ban HĐND	Văn phòng phẩm khoán T04/2019	Công tác phí khoán T04/2019	Tăng thu nhập quý I/2019	Tổng tiền	Ghi chú
18	Nguỵ Thị Châu Giang	Tài chính - Kế toán		5503215034970	4.286.551		1.112.000		300.000	1.200.000	6.898.551	
19	Nguyễn Văn Hòa	VH-XH	8037267156	5503215010522	6.839.217	500.000	0		300.000	900.000	8.539.217	
20	Trần Thị Đẹp	VP-TK	8037267212	5503215010489	4.286.551	400.000	706.000		300.000	1.200.000	6.892.551	
21	Đặng Tiến Đức	Địa chính-nông nghiệp-xây dựng-MT		5503205048200	4.286.551	0	1.112.000		300.000	900.000	6.598.551	
22	Nguyễn Ngọc Tuyết Vân	Địa chính-nông nghiệp-xây dựng-MT		5503215036510	3.756.753	400.000	834.000		300.000	900.000	6.190.753	
23	Đặng Thị Ngọc Hạnh	CC nguồn 1		5503215043783	5.028.811	400.000	1.112.000		300.000	1.200.000	8.040.811	
24	Trần Hải Dương	CC nguồn 2		5507205033274	3.756.753	1.240.000	1.112.000		300.000	900.000	7.308.753	
25	Bùi Võ Việt Hà	CC nguồn 2		5500205630747	3.756.753		1.112.000		300.000	900.000	6.068.753	
26	Lưu Thị Ái Hoa	CC nguồn 2		5503215043494	3.756.753		1.112.000		300.000	900.000	6.068.753	
	CB KHÔNG CHUYÊN TRÁCH				**59.624.050**	**0**	**9.452.000**	**0**	**3.200.000**	**11.100.000**	**83.376.050**	
27	Ngô Hoàng Việt	Phụ trách Thư ký Đảng ủy		5503215054478	3.933.700		834.000		200.000	1.200.000	6.167.700	
28	Nguyễn Tấn Dương	Phó Chủ tịch Hội Cựu Chiến binh		5503215039518	3.516.700		0		200.000	600.000	4.316.700	
29	Hồ Hoàng Ân	CT CTĐ		5503205076920	3.447.200		0		200.000	900.000	4.547.200	
30	Thái Văn Thôi	Phó CT CTĐ	8037267396	5503215010676	2.839.075	0	0		200.000	600.000	3.639.075	
31	Võ Ngọc Nương	Phó BT ĐTN		5503215046890	3.933.700	0	1.112.000		200.000	600.000	5.845.700	
32	Trần Hoài Nhân	Phó BT ĐTN		5503215050533	3.933.700		1.112.000		200.000	600.000	5.845.700	
33	Nguyễn Thanh Thảo	Phó CT MTTQ		5503215050159	3.933.700	0	1.112.000		200.000	600.000	5.845.700	
34	Phạm Minh Thuận	Phó CT hội PN		5503215041106	3.933.700	0	1.112.000		200.000	600.000	5.845.700	
35	Đoàn Thanh Phước Hậu	Phó CT hội ND		5503215054455	3.933.700	0	834.000		200.000	600.000	5.567.700	
36	Ngô Thị Lan	Chủ tịch NCT		5503215041129	3.579.250		0		200.000	600.000	4.379.250	
37	Hồ Thanh Mai	Phụ trách công tác KH, GT, TL, NN	8037267195	5503215010545	3.933.700		834.000		200.000	900.000	5.867.700	
38	Nguyễn Văn Đức	PT công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp dân		5503215032758	4.211.700	0	834.000		200.000	600.000	5.845.700	
39	Hồ Anh Dũng	Công an viên		5503215032741	4.065.750	0	834.000		200.000	600.000	5.699.750	
40	Phan Thị Xuân Viên	PT một phần CT tư pháp, hộ tịch, cchứng	8037267082	5503215030072	3.516.700		0		200.000	900.000	4.616.700	
41	Lê Đặng Minh Trí	PT CT văn thư lưu trữ, thủ quỹ		5503215041135	4.072.700		834.000		200.000	[illegible]		

Số TT	Họ và tên	Chức vụ	Mã số thuế cá nhân	Số Tài khoản	Lương, PC, PC đặc thù QS, truy lĩnh PC đặc thù QS; PC trách nhiệm, truy lĩnh lương, PC thủ quỹ T04/2019	PC nhận và trả kết quả, phụ cấp TBXH , truy lĩnh PC lương, PC thâm niên T04/2019	PC ngoài lương T04/2019, truy lĩnh PC ngoài lương, PC trưởng - phó các ban HĐND	Văn phòng phẩm khoán T04/2019	Công tác phí khoán T04/2019	Tăng thu nhập quý I/2019	Tổng tiền	Ghi chú
42	Nguyễn Văn Phú	CB đài truyền thanh	8037267276	5503215010778	2.839.075	0	0		200.000	600.000	3.639.075	
	HỢP ĐỒNG-CA VIÊN TT				**26.882.600**	**1.612.400**	**150.000**	**0**	**0**	**600.000**	**29.245.000**	
43	Trần Thị Thu Vân	CA viên TT		5503215032729	3.954.550	0					3.954.550	
44	Nguỵ Thị Châu Liên	CA viên TT		5503215032735	3.537.550	0					3.537.550	
45	Phan Văn Hữu Lợi	CA viên TT		5503215054461	3.954.550	0					3.954.550	
46	Nguyễn Thái Hiền	CB hợp đồng TTVH xã Phú An		5503205038350	3.252.600		150.000		0	600.000	4.002.600	
47	Nguyễn Thị Ý	CB hợp đồng TTVH xã Phú An		5503215049744	3.252.600	0					3.252.600	
48	Phan Thạch Sơn	HĐ BV TTVH xã		5503215062208	1.946.000	0					1.946.000	
49	Nguyễn Thị Hương	HĐ tạp vụ TTVH xã		5503215043777	1.946.000	0					1.946.000	
50	Nguyễn Thị Đào	HĐ cộng tác viên BTXH		5503215033823	1.390.000						1.390.000	
51	Nguyễn Thanh Tuấn	Phó CH QS tăng thêm		5503215043804	3.648.750	1.612.400					5.261.150	
	CÔNG AN CHÍNH QUY- HỢP ĐỒNG				**1.384.440**	**0**	**556.000**	**0**	**900.000**	**2.700.000**	**5.540.440**	
52	Trần Văn Thương	Phó Trưởng Công an		5503215059804			556.000		300.000	900.000	1.756.000	
53	Nguyễn Hoàng Phước	Công an viên		5503215059790					200.000	600.000	800.000	
54	Trần Anh Thắng	Công an viên		5503215059810					200.000	600.000	800.000	
55	Nguyễn Tuấn Anh	Công an viên		5503215059827					200.000	600.000	800.000	
56	Văn Quang Sĩ	Hiệu trưởng Trường THCS Phú An		5503215062923	1.384.440						1.384.440	
Tổng cộng:					**234.537.128**	**5.821.525**	**30.446.000**	**800.000**	**13.200.000**	**43.500.000**	**328.304.653**	

Phú An, ngày...tháng...năm 2019

Xác nhận Ngân Hàng NN& PTNT Bến Cát | **Kế toán** | **Thủ trưởng đơn vị**

Nguyễn Thị Hồng Nhung

Lê Nguyễn Thanh Bình